

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 508/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 04/9/2018.
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Sơn
- Ông Nguyễn Văn Chót.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2018/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1717/2018/QĐST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Hồng N, sinh năm 1976, địa chỉ: 44/1 ấp THA, TP, tỉnh Bến Tre.

Chị Lê Thị Hồng N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1973, địa chỉ: 6/3 ấp AP, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Lê Thị Hồng N trình bày:

Vào năm 2003 chị và anh T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân TP và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/4/2003. Trong thời gian sống chung anh, chị có 01 con chung tên Nguyễn Mỹ H, sinh ngày 12/11/2003, hiện nay con chung đang sống chung với chị. Anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân chị xin ly hôn với anh T là do trong thời gian chung sống anh, chị có nhiều mâu thuẫn nên thường xuyên cự cãi nhau. Anh T tự bỏ nhà đi

không còn quan tâm chăm sóc chị và con chung từ năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy chị và anh T không thể hàn gắn được nên chị có yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Chị không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Mỹ H, sinh ngày 12/1/2003, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Ngày 13/8/2018 chị Lê Thị Hồng N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn Nguyễn Văn T đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng N đối với anh Nguyễn Văn T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn T có sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 6/3 ấp AP, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N và anh T.

[3] Về hôn nhân: chị Lê Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân TP, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/4/2003. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị N, anh T được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân chị N xin ly hôn với anh T là do trong thời gian sống chung anh T thường xuyên cờ bạc ăn thua bằng tiền, chị N đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi. Đồng thời từ năm 2014 cho đến nay anh T tự ý bỏ nhà đi và không quan tâm chăm sóc cho chị và con chung. Xét thấy: Hiện nay chị N, anh T không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc khác Tòa án đã tạo điều kiện để chị N, anh T hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Do đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị N, anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp.

[4] Về con chung: chị Lê Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung Nguyễn Mỹ H, sinh ngày 12/11/2003. Xét thấy: từ khi chị N, anh T không còn sống chung con chung do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần; anh T không quan tâm chăm sóc và cấp dưỡng cho con chung. Mặt khác hiện nay con chung Nguyễn Thị Mỹ H có nguyện vọng sống chung với chị N. Do đó cần giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Chị Lê Thị Hồng N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn với chị Lê Thị Hồng N. Chị Lê Thị Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Chị Lê Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Hồng N được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Mỹ H, sinh ngày 12/11/2003. Do chị Lê Thị Hồng N không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Lê Thị Hồng N có quyền yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung hoặc anh Nguyễn Văn T có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Lê Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016210 ngày 16/4/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn Thạnh Phú
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê

**Caùc Hoài thaảm nhaân daân
Chuû toãi phieân toaø**

Thaảm phaùn –

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheâ

